* Use case Đăng nhập:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Use case | UC01 |
| Tên Use case | Use case đăng nhập |
| Tác nhân | Nhân viên, quản lý |
| Mô tả | Người dùng sử dụng tài khoản đã được cấp để đăng nhập vào hệ thống. |
| Điều kiện trước | Có tài khoản |
| Điều kiện sau |  |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 1/Nhập id và password vào form Đăng nhập. | 2/ Kiểm tra thông tin đăng nhập.  3/ Nếu thông tin chính xác, hiển thị form chính. | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | |  | 3/ Nếu thông tin không chính xác, hiển thị thông báo tới người dùng yêu cầu nhập lại thông tin. | |
| Điều kiện thoát | Đăng nhập thành công. |

* Use case Đăng ký:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Use case | UC02 |
| Tên Use case | Use case đăng ký |
| Tác nhân | Quản lý |
| Mô tả | Quản lý đăng ký tài khoản cho nhân viên sử dụng. |
| Điều kiện trước |  |
| Điều kiện sau |  |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 1/Chọn đăng ký tại form Đăng nhập.  3/ Nhập mã bảo mật vào form và xác nhận.  5/ Điền đầy đủ thông tin vào form Đăng ký và xác nhận. | 2/ Yêu cầu nhập mã mã bảo mật và hiển thị form mã bảo mật.  4/Kiểm tra thông tin. Nếu đúng, hiển thị form Đăng ký thông tin.  6/Kiểm tra thông tin. Nếu hợp lệ, thông báo đến người dùng đã đăng ký thành công và hiển thị lại form Đăng nhập. | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | |  | 4/ Nếu sai, thông báo mã bảo mật không chính xác và trả lại form Đăng nhập.  6/ Nếu thông tin không hợp lệ, hiển thị thông báo tới người dùng và trả lại form Đăng nhập. | |
| Điều kiện thoát | Đăng ký thành công. |

* Use case Đặt phòng:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Use case | UC03 |
| Tên Use case | Use case đặt phòng. |
| Tác nhân | Nhân viên. |
| Mô tả | Quản lý đăng ký tài khoản cho nhân viên sử dụng. |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công. |
| Điều kiện sau | Còn phòng trống. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 1/ Đăng nhập thành công.  3/ Chọn mục đặt phòng.  5/ Chọn khách hàng cần đặt phòng và xác nhận.  7/ Chọn phòng cần đặt và xác nhận. | 2/ Hiển thị form chính.  4/ Hiển thị danh sách khách hàng.  6/ Hiển thị danh sách phòng.  8/ Kiểm tra tình trạng phòng. Nếu còn trống, thông báo đã đặt phòng thành công. | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 5/ Chọn khách hàng mới  7/ Nhập thông tin đầy đủ vào form và xác nhận.  9/ Chọn phòng cần đặt và xác nhận. | 6/ Hiển thị form nhập thông tin khách hàng.  8/ Kiểm tra thông tin. Nếu hợp lệ, hiển thị danh sách phòng.  10/ Kiểm tra tình trạng phòng. Nếu còn trống, thông báo đã đặt phòng thành công.  11/ Nếu phòng đã đang được dùng, hiển thị thông báo yêu cầu đặt phòng khác và hiển thị danh sách phòng (quay lại bước 9). | |
| Điều kiện thoát | Hệ thống thông báo đặt phòng thành công. |

* Use case Gọi dịch vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Use case | UC04 |
| Tên Use case | Use case Gọi dịch vụ. |
| Tác nhân | Nhân viên. |
| Mô tả | Nhân viên đặt dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng. |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công. |
| Điều kiện sau | Còn dịch vụ. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 1/ Đăng nhập thành công.  3/ Chọn mục Gọi dịch vụ.  5/ Chọn khách hàng cần đặt dịch vụ và xác nhận.  7/ Chọn dịch vụ cần đặt (gồm số lượng và loại dịch) và xác nhận. | 2/ Hiển thị form chính.  4/ Hiển thị danh sách khách hàng.  6/ Hiển thị danh sách dịch vụ.  8/ Kiểm tra thông tin dịch vụ. Nếu còn hàng, thông báo đã gọi dịch vụ thành công. | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | |  | 8/ Nếu dịch vụ đã hết hoặc không đủ số lượng, hiển thị thông báo tới người dùng. | |
| Điều kiện thoát | Hệ thống thông báo gọi dịch vụ thành công. |

* Use case Trả phòng:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Use case | UC05 |
| Tên Use case | Use case Trả phòng. |
| Tác nhân | Nhân viên. |
| Mô tả | Khách hàng trả lại phòng sau khi hết nhu cầu sử dụng. Nhân viên cập nhật lại tình trạng phòng. |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công. |
| Điều kiện sau |  |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 1/ Đăng nhập thành công.  3/ Chọn mục Trả phòng.  5/ Chọn phòng cần trả và xác nhận. | 2/ Hiển thị form chính.  4/ Hiển thị danh sách phòng.  6/ Xác nhận tình trạng phòng. Nếu đang được đặt, cập nhật lại thông tin và gửi thông báo đến người dùng đã trả phòng thành công. | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | |  | 8/ Nếu phòng còn trống, gửi thông báo tới khách hàng. | |
| Điều kiện thoát | Hệ thống thông báo trả phòng thành công. |

* Use case Thanh toán:

|  |  |
| --- | --- |
| Mã Use case | UC06 |
| Tên Use case | Use case Thanh toán. |
| Tác nhân | Nhân viên. |
| Mô tả | Nhân viên tính tiền cho toàn bộ chi phí của khách hàng trong khoảng thời gian thuê phòng và chọn loại phương thức thanh toán. |
| Điều kiện trước | Đăng nhập thành công. |
| Điều kiện sau | Dịch vụ còn. |
| Luồng sự kiện | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 1/ Đăng nhập thành công.  3/ Chọn mục Thanh toán.  5/ Chọn khách hàng cần thanh toán và xác nhận.  7/ Xác nhận thông tin.  9/ Chọn hình thức thanh toán và xác nhận. | 2/ Hiển thị form chính.  4/ Hiển thị danh sách khách hàng.  6/ Kiểm tra thông tin và tính tổng chi phí cho các dịch vụ của khách hàng (bao gồm tiền thuê phòng và các dịch vụ phát sinh khi khách hàng gọi). Sau đó xuất ra thông báo đến người dùng.  8/ Hiển thị các phương thức thanh toán (thẻ ATM, tiền mặt, ...).  10/ Nếu người dùng chọn tiền mặt, thông báo thủ tục hoàn tất. | |
| Luồng thay thế | |  |  | | --- | --- | | Người dùng | Hệ thống | | 11/ Nhập thông tin theo yêu cầu của hệ thống và xác nhận. | 10/ Nếu người dùng chọn hình thức khác ngoài tiền mặt. Có thể yêu cầu nhập thêm thông tin...  12/ Kiểm tra thông tin. Nếu hợp lệ, thông báo thủ tục hoàn tất. | |
| Điều kiện thoát | Hệ thống thông báo hoàn tất thủ tục thanh toán. |